

UBND PHƯỜNG LÊ THANH NGHỊ
HỘI ĐỒNG BT, HT, TĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

P. Lê Thanh Nghị, ngày 09 tháng 10 năm 2026

**DANH SÁCH CÔNG KHAI PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT, CÂY CỐI VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT ĐỂ GIẢI PHÓNG MẶT
BẢNG DỰ ÁN KHU DÂN CƯ PHÍA NAM ĐƯỜNG TÔN ĐỨC THẮNG, PHƯỜNG LÊ THANH NGHỊ, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (ĐỢT 3)**

A. ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

- Đơn giá bồi thường đất: căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của HĐND thành phố Hải Phòng về ban hành bảng giá đất lần đầu trên địa bàn thành phố; Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2026 của UBND thành phố Hải Phòng về Quy định Hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2026;
- Đơn giá bồi thường tài sản: căn cứ Quyết định số 196/2025/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;
- Đơn giá bồi thường cây cối: căn cứ Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 6 tháng 02 năm 2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng;
- Căn cứ Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2026 của UBND thành phố Hải Phòng về Ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

B. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT

Stt	Tên người sử dụng, quản lý đất	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích thửa đất (m ²)	DT đất thu hồi (m ²)	BT, HT đất (đồng)	BT, HT tài sản (đồng)	Hỗ trợ thường tiền độ (đồng)	Bồi thường cây cối, hoa màu (đồng)	Tổng cộng (đồng)
1	Ông Nguyễn Mạnh Cường, bà Đỗ Thị Nguyệt	23	10	135.3	46.1	16,384,000	4,857,000	243,000	546,000	22,030,000
2	Ông Đoàn Hùng Lưu, bà Đặng Thị Thuý Ngân	41	10	479.1	149.3	1,129,902,000	334,639,000	16,732,000	14,045,000	1,495,318,000
3	Ông Ngô Xuân Hưng, bà Bùi Thị Chiêu	21	11	121.3	32.7	176,718,000	142,984,000	7,149,000	4,671,000	331,522,000
4	Ông Đoàn Bá Lạc, bà Trần Thị Còi	31	10	261.6	92.2	446,554,000	214,829,000	10,741,000	4,323,000	676,447,000
5	Ông Nguyễn Bình Minh	9	11	157.5	52.8	1,937,138,000	67,298,000	3,365,000	3,864,000	2,011,665,000
6	Bà Phạm Thị Hồng Huệ	295	10	71.6	48.6	259,052,000	296,720,000	14,836,000	5,362,000	575,970,000
7	Ông Đỗ Gia Lộc	77	10	104.9	104.9	1,150,820,000	4,114,000	206,000	5,362,000	1,160,502,000
8	Bà Phạm Thị Thuý Dương	285	10	87.1	87.1	828,014,000	315,761,000	15,788,000	8,583,000	1,168,146,000

9	Ông Nguyễn Văn Điệp	79	10	264.1	75.4	805,057,000	530,709,000	26,535,000	4,207,000	1,366,508,000
10	Bà Nguyễn Thị Kim Luân	105	10	158.2	158.2	2,698,052,000	857,874,000	59,894,000	1,885,000	3,617,705,000
11	Bà Phạm Thị Ninh, ông Phạm Văn Tổng	96	10	70.7	70.7	567,098,000	576,849,000	50,842,000	7,260,000	1,202,049,000
12	Bà Đặng Thị Quý	65	10	246.3	246.3	2,240,548,000	990,956,000	133,548,000	1,291,000	3,366,343,000
Tổng tiền					1,164.3	12,255,337,000	4,337,590,000	339,879,000	61,399,000	16,994,205,000

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI SOÁT

PHÒNG XD, NN VÀ MT

**TM. HỘI ĐỒNG BT, HT, TĐC
CHỦ TỊCH**

**Phó Chủ tịch UBND phường
Hoàng Minh Đức**